

Bản án số: 19/2021/HSST

Ngày 03-6-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thao

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thanh Vân, bà Đinh Thị Thanh Hải

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Phương, ông Phạm Anh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/HSST ngày 02-4-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 21-5-2021, đối với bị cáo:

**- Đặng Ngọc T;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06-3-1982, tại Yên Bái; ĐKKHKT: Tổ dân phố T, phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đặng Văn P (đã chết); con bà: Đỗ Thị C, sinh năm 1949; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: có 01 tiền sự: Ngày 21-10-2020, bị Công an thành phố Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Nhân thân: ngày 27-11-2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Hồng Ca. Có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:***

+ Anh Trần Ngọc Th, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ 3, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

+ Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Đặng Văn L, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ 3, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 10 phút ngày 07-12-2020, trên đường đi từ tổ dân phố P, phường H, thành phố Yên Bái về nhà, Đặng Ngọc T nhìn thấy xe ô tô tải biển kiểm sát 21C-060.88 của anh Trần Ngọc Thđang dừng bên lề đường. Lúc này anh Trần Ngọc Th và anh Trần Tuấn A đang vận chuyển hàng hóa lên thùng xe ở phía sau. Đặng Ngọc T quan sát thấy cửa xe ô tô bên ghế lái mở, không có người ở trên xe, T tiến sát lại thì phát hiện trên buồng lái có để 01 điện thoại di động nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T mở rộng cửa xe bên phía ghế lái rồi trèo lên buồng lái xe ô tô lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu IphoneX và 01 túi giả da màu nâu loại đeo chéo đang để tại vị trí ghế phụ. Sau khi lấy được tài sản, T đi bộ ra đường Thanh Niên và đi ra khu vực bờ kè sông Hồng thuộc tổ dân phố Hồng Tân, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái. Tại đây, T kiểm tra các tài sản vừa lấy được thì phát hiện trong túi giả da màu nâu có 01 phong bì giấy bên trong có số tiền là 19.764.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 bảo hiểm xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô; 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 02 thẻ ngân hàng. T lấy chiếc điện thoại di động và số tiền 19.764.000 đồng cho vào túi quần đang mặc và dùng lửa đốt chiếc phong bì đựng tiền, còn chiếc túi giả da màu nâu cùng các giấy tờ, đồ vật khác T vứt vào bụi cây ở bờ sông rồi sau đó bắt xe khách đi lên thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Tại thành phố Lào Cai, T đã tháo vứt sim thuê bao và bán chiếc điện thoại di động cho anh Đặng Văn L được số tiền là 2.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền trộm cắp được và tiền bán điện thoại T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 06-02-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Yên Bái kết luận:

- 01 chiếc ví giả da màu đen, hình chữ nhật có kích thước 18x10cm tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 20.000 đồng (*Hai mươi nghìn đồng*).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IphoneX, màu trắng dung lượng 64GB tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

- Các tài sản: 01 túi đeo giả da màu nâu kích thước 30x18cm; 01 phong bì bằng giấy; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012471 của xe ô tô BKS 21C-060.88; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô mang tên chủ xe là Trần Ngọc Thành; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô 21C-060.88; 01 sim số thuê bao 0963.235.752; 01 ốp điện thoại di động bằng nhựa màu đen; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Trần Tuấn A; 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Trần Tuấn A; 01 giấy chứng minh nhân dân số 063397465 mang tên Trần Tuấn A; 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Trần Tuấn A; 01 thẻ ngân hàng HD bank mang tên Trần Tuấn A đều có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp là 0 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 6.020.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Ngọc Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 19.764.000 đồng.

Anh Đặng Văn Long yêu cầu bị cáo phải trả số tiền là 2.500.000 đồng.

Anh Trần Tuấn A đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường gì.

Cáo trạng số 13/CT-VKSTP ngày 01-4-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố Đặng Ngọc T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái rút đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên các quan điểm khác của cáo trạng; Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc T phạm tội: Trộm cắp tài sản; Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T: từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù và tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án số 62/2020/HSST ngày 27-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng bị thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 07-12-2020, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông coi, quản lý tài sản, Đặng Ngọc T đã có hành vi lén lút để chiếm đoạt các tài sản gồm: số tiền 19.764.000 đồng và 01 túi giả da màu nâu cùng các giấy tờ cá nhân anh Trần Ngọc Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IphoneX trị giá 6.000.000 đồng và 01 ví giả da màu đen cùng các giấy tờ cá nhân có giá trị là 20.000.000 đồng của anh Trần Tuấn A. Tổng giá trị tài sản Đặng

Ngọc T đã chiếm đoạt là 25.784.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó đã gây mất trật tự, an toàn và trị an cho xã hội. Do đó cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo Đặng Ngọc T là người có đủ năng lực nhận thức điều chỉnh mọi hành vi, hoạt động bản thân, bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 21-10-2020, bị Công an thành phố Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, sửa đổi bản thân mà vẫn thực hiện tội phạm cùng tội danh. Đây là thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Do đó cần có mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù theo quyết định của bản án số 62/2020/HS-ST ngày 27-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, nên cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nữa để giáo dục, cải tạo được bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Do đó, áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, do đó xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngày 27-11-2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tuy nhiên tại thời điểm phạm tội ngày 07-12-2020 thì bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên xác định lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Đối với anh Đặng Văn L là người mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhoneX do T mang đến bán nhưng anh L không biết nguồn gốc tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh L là phù hợp.

[8] Về vật chứng:

- Đối với các tài sản gồm: 01 túi đeo giả da màu nâu kích thước 30x18cm; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012471 của xe ô tô BKS 21C-060.88; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô mang tên chủ xe là Trần Ngọc Th; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô 21C-060.88 là các tài sản hợp pháp của anh Trần Ngọc Th nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Th là phù hợp.

- Đối với các tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhoneX màu trắng; 01 ví giả da màu đen kích thước 18x10cm; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C

mang tên Trần Tuấn A; 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Trần Tuấn A; 01 giấy chứng minh nhân dân số 063397465 mang tên Trần Tuấn A; 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Trần Tuấn A; 01 thẻ ngân hàng HD bank mang tên Trần Tuấn A là các tài sản hợp pháp của anh Trần Tuấn A nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần Tuấn A là phù hợp.

- Đối với 01 phòng bì bằng giấy bị cáo đã đốt, 01 sim số thuê bao 0963.235.752 bị cáo đã vứt không xác định được vị trí, 01 chiếc ốp điện thoại anh Long sau khi mua điện thoại đã tháo và vứt đi không xác định được vị trí. Cơ quan điều tra không có căn cứ để thu hồi lại nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Ngọc Th yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 19.764.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Th. Xét thấy, yêu cầu bồi thường của anh Th là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Anh Đặng Văn L yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền là 2.500.000 đồng. Xét thấy việc mua bán tài sản giữa bị cáo và anh L là giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối nên chấp nhận yêu cầu của anh L, buộc bị cáo phải trả lại cho anh L số tiền là 2.500.000 đồng.

Anh Trần Tuấn A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 48; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 127, Điều 131, Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

**1. Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**2. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T 02 (hai) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này và hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án số 62/2020/HS-ST ngày 27-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Buộc bị cáo Đặng Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-01-2021, là ngày bắt bị cáo đi thi hành án theo bản án số 62/2020/HS-ST ngày 27-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

### 3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Ngọc Th số tiền là 19.764.000 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo phải trả cho anh Đặng Văn L số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.113.200 đồng (*Một triệu một trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Kể ngày bản án có hiệu lực bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, Sở Tư pháp;
- VKSND TP. Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- CATP. Yên Bái
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu HS, TA.

#### **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

#### **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Thao**

